| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẮC NINH**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2021/HNGĐ - ST
Ngày 16 – 4 – 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đỗ Thanh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Như Vũ.
2. Ông Nguyễn Sự.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hạp Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng HKTT: Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn từ ngày 07/11/1998 tại UBND xã K, huyện Tiên Sơn (nay là phường K, thành phố B), tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn và còn có hành vi đánh đập chị khi vợ chồng xích mích. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay thấy vợ chồng không còn tình cảm nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 30/8/1999 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/6/2006. Hiện cháu T đang ở

cùng anh D, cháu Th đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/6/2006 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tr đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Anh xác nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T đi suốt ngày, không chịu ở nhà. Anh xác nhận vợ chồng khi phát sinh mâu thuẫn anh có đánh chị T nhưng anh cho rằng việc anh đánh chị T đều là do chị T khiêu khích anh. Anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để chờ các con xây dựng gia đình hoặc vợ chồng có thể giữ tình trạng ly thân như hiện nay để khi nào các con ổn định cuộc sống thì mỗi người chung sống cùng một con chung, không ai can thiệp cuộc sống của ai.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu buộc phải ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn giữa nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Tòa án công bố lời khai, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên xét xử.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/6/2006. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn D và giải quyết nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 07/11/1998. Trước khi kết hôn chị T, anh D đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh D đều thừa nhận vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu, không chăm lo gia đình và còn đánh chị khi xảy ra cãi cọ. Anh D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị T ngoài những lúc không đi chợ thì thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè và việc anh đánh chị T đều là do chị T khiêu khích anh. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T anh D đã xảy ra trên thực tế và thực sự trầm trọng. Hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp gì để vợ chồng quay về đoàn tụ mà vợ chồng vẫn đổ lỗi cho nhau. Vậy, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh D.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh D, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 30/8/1999 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/6/2006.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị được nuôi con chung là cháu Thh và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tr đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: anh D, chị T đều có công việc và thu nhập, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, cháu Th đã được 15 tuổi có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và hiện đang ở với mẹ. Cháu Tr đã đủ 18 tuổi hiện đang ở với anh D. Nên để đảm bảo môi trường sống và nuôi dưỡng tốt nhất cho các cháu, cần giao cháu Th cho chị T nuôi dưỡng dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Chị T anh D có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 30/8/1999 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/6/2006. Cháu Tr đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Th. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0000721 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thanh Ngọc**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

| | | |
|---|---|---|
| **Đỗ Như Vũ** | **Nguyễn Sự** | **Đỗ Thanh Ngọc** |